TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM ĐỘNG** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ -ST
Ngày: 09/5/2022
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Lê Quốc Huy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trung Dũng và bà Vũ Thị Liên

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thơ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Động

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện KĐ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 99/2021/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/QĐ- HPT ngày 26 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị L, sinh năm 1987; trú tại: Xóm 5, xã LX (trước đây là xã HX), huyện HN, tỉnh Nghệ An (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1987; trú tại: thôn LX, xã Hiệp Cường, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi liên quan: Cháu Nguyễn Hải P, sinh ngày 26/7/2010; trú tại: Xóm 5, xã LX, huyện HN, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật cho P: Chị Võ Thị L và anh Nguyễn Văn Q là bố mẹ đẻ của cháu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai của chị Võ Thị L thể hiện: Chị Võ Thị L và anh Nguyễn Văn Q kết hôn với nhau tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày18/12/2008 tại UBND xã Hưng Xá (nay là xã LX), huyện HN, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống tại nhà anh Q ở

thôn LX, xã HC, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trước khi kết hôn, chị L và anh Q không tìm hiểu kỹ về nhau, mỗi người một địa phương, phong tục tập quán khác nhau nên khi về chung sống vợ chồng đã xảy ra những bất đồng, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, trong làm ăn kinh tế và nuôi dạy con chung, dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không gắn bó với nhau. Bản thân chị L và anh Q đều đã cố gắng để hòa hợp vợ chồng nhưng không được, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nên từ cuối năm 2012, chị L đã bỏ gia đình anh Q về gia đình bố mẹ đẻ ở Nghệ An sinh sống, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Q không còn, chị L đề nghị Tòa án nhân dân huyện KĐ giải quyết cho chị và anh Q ly hôn và xin giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt.

Anh Nguyễn Văn Q trình bày: Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, thời gian mâu thuẫn và nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn của anh chị như chị L trình bày là đúng. Do vợ chồng chung sống với nhau không có tình cảm, không thương yêu nhau, chung sống với nhau chỉ trên danh nghĩa nên từ cuối năm 2012, chị L đã bỏ gia đình anh về gia đình bố mẹ đẻ chị L ở Nghệ An sinh sống, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị L có đơn xin ly hôn anh, anh Q cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh nhất trí ly hôn với chị L, nhưng anh không đến tham gia các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án.

Về con chung: Chị L và anh Q đều trình bày, anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Hải P, sinh ngày 26.7.2010. Hiện nay cháu P đang ở cùng với chị L và có nguyện vọng ở với mẹ. Chị L và anh Q thống nhất, giao chị L được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu P đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, công sức, ruộng canh tác: Chị L và anh Q đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Q vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà: Nguyên đơn chị Võ Thị L có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn anh Q đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện KĐ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý và tại phiên tòa đã tuân

thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/QBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử cho chị Võ Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hải P cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Võ Thị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị L có đơn từ chối hòa giải; bị đơn anh Nguyễn Văn Q đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị L có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn Q được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L và anh Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân : Chị Võ Thị L và anh Nguyễn Văn Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại xã Hưng Xá (nay là xã LX), huyện HN, tỉnh Nghệ An vào ngày 18/12/2008. Như vậy, hôn nhân của chị L và anh Q là hợp pháp. Nay chị L xin ly hôn anh Q sẽ được áp dụng Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung.

Căn cứ lời khai của các bên, lời khai của người làm chứng xác định quá trình vợ chồng chị L và anh Q chung sống hòa thuận, hạnh phúc từ khi cưới cho đến khoảng năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng nảy sinh nhiều bất đồng, vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt và chung sống không có hạnh phúc. Do vậy, chị L đã bỏ gia đình anh Q về gia đình bố mẹ đẻ chị L ở Nghệ An sinh sống từ cuối năm 2012 đến nay, vợ chồng sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai và không còn có trách nhiệm gì với nhau nữa. Nay chị L xin ly hôn, anh Q cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn. Xét thấy, việc các bên đều có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn là tự nguyện, phù hợp với tình trạng hôn nhân của vợ chồng. Vì vậy, cần giải quyết cho chị L và anh Q ly hôn là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L và anh Q có 01 con chung là cháu Nguyễn Hải P, sinh ngày 26.7.2010. Hiện nay cháu P đang ở cùng với chị L, cháu có nguyện vọng ở với chị L. Chị L và anh Q đã thỏa thuận được với nhau về việc nuôi dưỡng con chung, xét thấy sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp, đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên, nên chấp nhận sự thỏa thuận của chị L và anh Q, giao cho chị L được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Không đặt ra xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[5] Về án phí: Chị Võ Thị L phải chịu tiền án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 1, điêm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 264, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Võ Thị L và anh Nguyễn Văn Q ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hải P, sinh ngày 26/7/2010 là con chung của vợ chồng cho chị L tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác: Không đặt ra xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí: Chị Võ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002550 ngày 10/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KĐ. Bà L đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã LX, huyện HN, tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện KĐ;
- Chi cục THADS huyện KĐ;
- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Quốc Huy